TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thư.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hồng Lam.
2. Ông Lê Huỳnh Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Châu Hồng N, sinh năm 1994; Có mặt.
HKTT: Khu phố 3, phường MH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
Địa chỉ: Thôn TY, xã TH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.
2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1999; Vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố 3, phường MH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn Khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Châu Hồng N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kiều T tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 25/10/2018 tại Ủy ban nhân dân phường MH, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Ông

và bà T có một con chung tên Châu nguyễn Nhật V, sinh ngày 25/9/2017. Quá trình chung sống, ông và bà T không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến việc bà T ngoại tình. Từ tháng 12/2021, ông và bà T đã không còn chung sống với nhau. Nay tình cảm không còn, không thể quay trở về đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Về con chung: Tại đơn khởi kiện, ông N yêu cầu để con chung là Châu nguyễn Nhật V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 7.000.000 đồng. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tại phiên tòa, ông N yêu cầu để con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Hiện ông N đang làm lái xe đường dài, đi một chuyến xe khoảng từ 10 ngày đến 15 ngày, nghỉ từ 02 đến 03 ngày rồi đi tiếp, thu nhập khoảng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/mỗi chuyến xe.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ông Châu Hồng N ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều T. Về con chung: Giao con chung là Châu nguyễn Nhật V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Châu Hồng N yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều T. Bà T cư trú tại Khu phố 03, phường MH, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

(BLTTDS) xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bà T. Bà T không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng không phản đối chứng cứ do ông N cung cấp (khoản 2 điều 92 của BLTTDS) và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Châu Hồng N và bà Nguyễn Thị Kiều T là hoàn toàn tự nguyện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy Chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình chung sống, ông N cho xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến bà T ngoại tình. Từ tháng 12/2021, ông N và Nguyễn Thị Kiều T đã không còn chung sống với nhau.

[2.3] Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....". Tuy nhiên, quá trình chung sống, ông N, bà T lại thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống và đã không chung sống, quan tâm đến nhau, mạnh ai người nấy sống từ tháng 12-2021 đến nay. Tình trạng mâu thuẫn về hôn nhân giữa ông N, bà T đã được Chính quyền địa phương xác nhận.

[2.4] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của ông N, bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông N yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho ông N ly hôn với bà T.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Ông N và bà T có một con chung tên Châu nguyễn Nhật V, sinh ngày 25/9/2017. Cháu V hiện đang sống cùng mẹ và bà ngoại tại Khu phố 3, phường MH, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Hiện ông N đang làm lái xe đường dài, đi một chuyến xe khoảng từ 10 ngày đến 15 ngày, nghỉ từ 02 đến 03 ngày rồi đi tiếp, thu nhập khoảng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/mỗi chuyến xe.

[3.2] Xét thấy: Cháu Châu nguyễn Nhật V còn nhỏ, đã sống với mẹ và bà ngoại từ nhỏ tới nay. Nếu thay đổi môi trường sống có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của con chung. Mặc khác, ông N đang làm lái xe đường dài, mỗi chuyến xe

khoảng từ 10 ngày đến 15 ngày nên khó có thời gian chăm sóc cho con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông N về việc giao cháu Châu nguyễn Nhật V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.3] Ông N yêu cầu được cấp dưỡng cho cháu Châu nguyễn Nhật V 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của ông N để có thêm điều kiện chăm sóc cho con chung nên chấp nhận yêu cầu của ông N về vấn đề cấp dưỡng, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho cháu V số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Hồng N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Hồng N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều T.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Châu nguyễn Nhật V, sinh ngày 25/9/2017 cho bà Nguyễn Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Châu Hồng N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Châu nguyễn Nhật V mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Châu Hồng N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Toà án số 0003812 ngày 04-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. Ông Châu Hồng N còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14-6-2022); vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- UBND phường MH;
(GCN số 28 ngày 25-10-2018 do UBND phường MH cấp);
- Lưu (HS, AV)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Trần Thanh Thư